

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THỊ XÃ HOÀNG MAI
TỈNH NGHỆ AN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 37/2024/DS-ST
Ngày 26/9/2024
V/v “*Tranh chấp Hợp đồng
tín dụng*”.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ HOÀNG MAI, TỈNH NGHỆ AN

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Hữu Huy.

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Trần Thị Thanh Hương và ông Nguyễn Văn Bẩy.

Thư ký phiên tòa: Bà Trần Thị Duyên – Thư ký Tòa án nhân dân thị xã Hoàng Mai – tỉnh Nghệ An.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Hoàng Mai – tỉnh Nghệ An tham gia phiên tòa: Bà Đào Giang Lệ - Kiểm sát viên.

Ngày 26 tháng 9 năm 2024 tại Trụ sở Tòa án nhân dân thị xã Hoàng Mai, tỉnh Nghệ An xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 138/2023/TLST – DS ngày 04 tháng 12 năm 2023 về “*Tranh chấp hợp đồng tín dụng*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 144/QĐXXST-DS ngày 30 tháng 8 năm 2024; Quyết định hoãn phiên tòa số: 81/2024/QĐST-DS ngày 13/9/2024 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Ngân hàng N.

Địa chỉ: Số B, đường L, phường T, quận B, thành phố Hà Nội.

Đại diện theo pháp luật: Ông Tiết Văn T - Chức vụ: Tổng giám đốc

Đại diện theo ủy quyền: Ông Đặng Minh Á – Chức vụ: Giám đốc ngân hàng N1 - Chi nhánh H2.

Địa chỉ: Khối T, phường Q, T Nghệ An.

Người được ông Á ủy quyền lại: Ông Phạm Đức H – Chức vụ: Trưởng phòng kế hoạch kinh doanh (Có mặt).

- Bị đơn: 1. Anh Nguyễn Bá C, sinh năm 1984 (Vắng mặt).

2. Chị Lê Thị T1, sinh năm 1986 (Vắng mặt).

Cùng trú tại: Khối T, phường Q, thị xã H, tỉnh Nghệ An.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện, bản tự khai và trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa người đại theo ủy quyền của Ngân hàng N2 ông Phạm Đức H trình bày:

Vào ngày 09/02/2019 Ngân hàng N2 cấp tín dụng anh Nguyễn Bá C và chị Lê Thị T1; số tiền xin vay 100.000.000 đồng (Một trăm triệu đồng chẵn); mục đích xin vay “*Mua ti vi, xe máy, tủ lạnh*”. Theo Hợp đồng tín dụng số 3624-LAV-

201906777 ngày 09/12/2019, thời hạn cho vay 13 tháng, định kỳ trả nợ 12 tháng/lần. Kỳ đầu tiên ngày 09/12/2020 số tiền trả gốc 10.000.000 đồng, Kỳ hạn cuối cùng ngày 09/01/2021 số tiền trả gốc 90.000.000 đồng. Dư nợ gốc tính đến thời điểm hiện tại là 98.000.000 đồng (Chín mươi tám triệu đồng).

Anh Nguyễn Bá C và chị Lê Thị T1 cam kết thực hiện biện pháp bảo đảm bằng tài sản là Quyền sử dụng đất 228 m² và tài sản gắn liền với đất tại thửa đất số: 369, tờ bản đồ số: 129-74. Địa chỉ: Khối T, phường Q, thị xã H, tỉnh Nghệ An theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số Y 305250 do UBND huyện Q cấp ngày 31/12/2004 mang tên hộ ông Nguyễn Bá H1.

Quá trình thực hiện hợp đồng anh Nguyễn Bá C và chị Lê Thị T1 đã trả được số tiền gốc 2.000.000 đồng, số tiền lãi đã trả đến ngày 30/09/2021 là 3.024.658 đồng. Sau đó đến hạn trả nợ anh Nguyễn Bá C và chị Lê Thị T1 không trả thêm một khoản nào cho ngân hàng nữa.

Tính đến hết ngày 26/09/2024, khoản vay của anh Nguyễn Bá C và chị Lê Thị T1 đã quá hạn tổng cộng là 1.583 ngày. Tổng dư nợ phải thanh toán tạm tính (do nợ lãi vẫn tiếp tục phát sinh) tại Ngân hàng N2 Chi nhánh thị xã H2 là: 167.071.014 đồng (Một trăm sáu mươi bảy triệu không trăm bảy mươi một nghìn không trăm mười bốn đồng), trong đó:

- Nợ gốc: 98.000.000 đồng
- Nợ lãi trong hạn: 47.139.945 đồng
- Nợ lãi quá hạn: 21.931.068 đồng

Ngân hàng đã nhiều lần làm việc trực tiếp và có văn bản yêu cầu anh Nguyễn Bá C và chị Lê Thị T1 thực hiện nghĩa vụ trả nợ nêu trên theo Hợp đồng tín dụng số 3624-LAV-201906777 ngày 09/12/2019, yêu cầu anh Nguyễn Bá C và chị Lê Thị T1 thực hiện nghĩa vụ theo Hợp đồng. Tuy nhiên, tính đến nay anh Nguyễn Bá C và chị Lê Thị T1 vẫn không thực hiện nghĩa vụ trả tiền nợ gốc phân kỳ, nợ lãi cho Ngân hàng N2, liên tiếp vi phạm nghĩa vụ đã cam kết với Ngân hàng N2, cố tình không hợp tác, không thực hiện nghĩa vụ trả nợ làm ảnh hưởng nghiêm trọng đến quyền và lợi ích hợp pháp của Ngân hàng N2 gây khó khăn lớn cho công tác thu hồi vốn của Nhà nước và quá trình xử lý, thu hồi nợ của Ngân hàng N2.

Nay Ngân hàng N2 yêu cầu Toà án nhân dân thị xã Hoàng Mai giải quyết các yêu cầu:

1. T2 buộc anh Nguyễn Bá C và chị Lê Thị T1 phải thực hiện nghĩa vụ trả nợ cho Ngân hàng N2 toàn bộ số tiền tạm tính (do nợ lãi vẫn tiếp tục phát sinh) đến hết ngày 26/09/2024 là: 167.071.014 đồng (Một trăm sáu mươi bảy triệu không trăm bảy mươi một nghìn không trăm mười bốn đồng), trong đó:

- Nợ gốc: 98.000.000 đồng
- Nợ lãi trong hạn: 47.139.945 đồng

-Nợ lãi quá hạn: 21.931.068 đồng

2. T2 buộc ông anh Nguyễn Bá C và chị Lê Thị T1 phải tiếp tục trả lãi phát sinh theo mức lãi suất thỏa thuận tại Hợp đồng tín dụng số 3624-LAV-201906777 ngày 09/12/2019 cho đến ngày thanh toán hết khoản vay cho Ngân hàng N2.

3. Trường hợp anh Nguyễn Bá C và chị Lê Thị T1 không trả được nợ cho Ngân hàng thì Ngân hàng N2 tiếp tục giữ hồ sơ của tài sản là “ Quyền sử dụng đất 228 m² và tài sản gắn liền với đất tại thửa đất số: 369, tờ bản đồ số: 129-74. Địa chỉ: Khối T, phường Q, thị xã H, tỉnh Nghệ An theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số Y 305250 do UBND huyện Q cấp ngày 31/12/2004 mang tên hộ ông Nguyễn Bá H1 để thu hồi nợ cho Ngân hàng.

4. Nếu anh Nguyễn Bá C và chị Lê Thị T1 không thực hiện hoặc thực hiện không đúng nghĩa vụ trả nợ ngay sau khi bản án của Tòa án có hiệu lực pháp luật thì Ngân hàng N2 thông qua Ngân hàng N2 - Chi nhánh thị xã H2 có quyền yêu cầu cơ quan thi hành án dân sự xử lý bất kỳ tài sản nào thuộc quyền sở hữu, sử dụng của anh Nguyễn Bá C và chị Lê Thị T1 để thu hồi nợ theo quy định của pháp luật.

Tại biên bản lấy lời khai bị đơn anh Nguyễn Bá C trình bày:

Vào ngày 09/12/2019 vợ chồng anh có đến Ngân hàng N1 – Chi nhánh H2 làm thủ tục vay số tiền là 100.000.000đ (Một trăm triệu đồng), thời hạn vay là 13 tháng. Khi vay hai bên có ký kết các hợp đồng vay với nhau. Theo hợp đồng vay thì lãi suất tại thời điểm vay là 12%/năm. Các giấy tờ vay nợ cũng như các giấy tờ bảo đảm tài sản tại Ngân hàng vợ chồng anh trực tiếp ký vào các giấy tờ vay đó. Mục đích vợ chồng vay Ngân hàng là để tiêu dùng. Khi vay vợ chồng anh có gửi Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất tại thửa đất số 369, tờ bản đồ 129-74 có diện tích 228 m² ở khối T, phường Q, thị xã H mang tên hộ ông Nguyễn Bá H1 và các tài sản gắn liền với đất làm tài sản đảm bảo. Thửa đất đó là thửa đất của vợ chồng anh, bố mẹ anh đã mất anh là người được hưởng thừa kế đối với diện tích đất nói trên. Hiện nay trên đất có 01 nhà vệ cấp bốn 04 gian.

Sau khi vay vợ chồng anh đã trả được số tiền gốc 2.000.000đ. Tiền lãi trả đến ngày 01/10/2020 sau đó vì điều kiện khó khăn nên vợ chồng anh không trả thêm được khoản tiền nào nữa.

Nay Ngân hàng N1 yêu cầu vợ chồng anh trả số tiền gốc, tiền lãi, lãi quá hạn trả cho Ngân hàng thì anh cũng thống nhất trả khoản tiền này nhưng xin ngân hàng cho vợ chồng anh được trả góp mỗi tháng 2.000.000đ. Và xin ngân hàng bớt tiền lãi cho vợ chồng anh. Nếu vợ chồng anh không trả được nợ cho Ngân hàng thì tôi cũng thống nhất để Ngân hàng tiếp tục tạm giữ hồ sơ của tài sản là “ Quyền sử dụng đất 228 m² và tài sản gắn liền với đất tại thửa đất số: 369, tờ bản đồ số: 129-74. Địa chỉ: Khối T, phường Q, thị xã H, tỉnh Nghệ An theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số Y 305250 do UBND huyện Q cấp ngày 31/12/2004 mang

tên họ ông Nguyễn Bá H1 theo quy định của pháp luật. Anh cũng đề nghị Ngân hàng xem xét chưa xử lý tài sản để vợ chồng anh làm ăn trả nợ cho Ngân hàng.

Quá trình giải quyết và tại phiên tòa, bị đơn chị Lê Thị T1 và anh Nguyễn Bá C đã được Tòa án triệu tập hợp lệ để lấy ý kiến, tham gia các phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, xét xử đều vắng mặt không có lý do, do đó Tòa án không tiến hành ghi được lời khai của chị Lê Thị T1 và không tiếp tục làm việc được với anh Nguyễn Bá C.

Tại phiên tòa, Đại diện Viện kiểm sát thị xã H phát biểu quan điểm về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa đã tuân thủ đúng quy định của pháp luật tố tụng từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử vào phòng nghị án. Việc chấp hành pháp luật tố tụng của đương sự: Nguyên đơn đã thực hiện đúng quyền, nghĩa vụ của mình theo quy định của pháp luật. Bị đơn không chấp hành đúng việc tuân theo pháp luật tố tụng trong suốt quá trình giải quyết và tại thời điểm xét xử.

Tại phiên tòa bị đơn đã được triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vắng mặt không có lý do. Vì vậy, Tòa án đưa vụ án ra xét xử vắng mặt bị đơn chị T1 và anh C là đúng theo quy định của pháp luật.

Ý kiến quan điểm của Đại diện Viện kiểm sát thị xã H về việc giải quyết vụ án:

Về quan hệ pháp luật và thẩm quyền giải quyết vụ án: Đây là quan hệ “Tranh chấp hợp đồng tín dụng”, thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thị xã Hoàng Mai theo quy định tại khoản 3 Điều 26, khoản 1 Điều 35 Bộ luật tố tụng dân sự 2015. Căn cứ vào quy định tại Điều 463, 465, 466 của Bộ luật dân sự năm 2015; Điều 147, 227, 228 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, đề nghị Hội đồng xét xử:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng N2. Buộc chị Lê Thị T1 và anh Nguyễn Bá C phải có nghĩa vụ trả nợ cho Ngân hàng N2 toàn bộ số tiền tạm tính (do nợ lãi vẫn tiếp tục phát sinh) đến hết ngày 26/09/2024 là: 167.071.014 đồng (Một trăm sáu mươi bảy triệu không trăm bảy mươi một nghìn không trăm mười bốn đồng), trong đó:

- Nợ gốc: 98.000.000 đồng
- Nợ lãi trong hạn: 47.139.945 đồng
- Nợ lãi quá hạn: 21.931.068 đồng

Ngoài ra chị T1 và anh C còn phải tiếp tục chịu lãi phát sinh cho khoản vay trên cho đến khi trả hết số tiền nợ gốc và nợ lãi.

Nếu anh C, chị T1 không trả được nợ cho Ngân hàng thì Ngân hàng N2 có quyền được tiếp tục tạm giữ hồ sơ của tài sản là “Quyền sử dụng đất 228 m² và tài sản gắn liền với đất tại thửa đất số: 369, tờ bản đồ số: 129-74. Địa chỉ: Khối T,

phường Q, thị xã H, tỉnh Nghệ An theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số Y 305250 do UBND huyện Q cấp ngày 31/12/2004 mang tên hộ ông Nguyễn Bá H1 và có quyền yêu cầu cơ quan thi hành án dân sự xử lý bất kỳ tài sản nào thuộc quyền sở hữu, sử dụng của anh Nguyễn Bá C và chị Lê Thị T1 để thu hồi nợ theo quy định của pháp luật.

Về chi phí xem xét thẩm định tại chỗ anh C, chị T1 phải có trách nhiệm trả lại cho Ngân hàng N2 chi phí xem xét thẩm định tại chỗ.

Về án phí: Anh C, chị T1 phải chịu án phí Dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật. Trả lại tiền tạm ứng án phí cho Ngân hàng N2.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra công khai tại phiên tòa, trên cơ sở xem xét đầy đủ, toàn diện chứng cứ, ý kiến của các đương sự, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về tố tụng:

[1.1] Về quan hệ pháp luật tranh chấp: Theo yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, đây là tranh chấp hợp đồng tín dụng theo quy định tại Khoản 3 Điều 26 Bộ luật Tố tụng dân sự 2015.

[1.2] Về thẩm quyền giải quyết: Hiện nay bị đơn chị Lê Thị T1 và anh Nguyễn Bá C có nơi cư trú tại khối T, phường Q, thị xã H, tỉnh Nghệ An, vì vậy theo quy định tại Điểm a khoản 1 Điều 35; Điều 36 và Điểm a Khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự thì Tòa án nhân dân thị xã Hoàng Mai, tỉnh Nghệ An thụ lý giải quyết đúng thẩm quyền.

[1.3] Về thời hiệu khởi kiện: Từ khi thụ lý vụ án cho đến khi kết thúc phiên tòa sơ thẩm, các đương sự không yêu cầu áp dụng thời hiệu nên căn cứ Điều 184 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 thì Hội đồng xét xử không áp dụng thời hiệu trong vụ án này.

[1.4] Trong quá trình giải quyết vụ án, bị đơn chị Lê Thị T1 và anh Nguyễn Bá C đã được Tòa án triệu tập hợp lệ để tham gia phiên tòa xét xử đến lần thứ 2 nhưng vẫn vắng mặt không rõ lý do nên căn cứ khoản 2 Điều 227, Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn và xem như bị đơn từ bỏ quyền, nghĩa vụ chứng minh. Do đó, Hội đồng xét xử căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ do đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn cung cấp và tài liệu chứng cứ Tòa án thu thập làm căn cứ giải quyết vụ án.

[2] Về nội dung tranh chấp: Ngân hàng N2 yêu cầu chị T1 và anh C phải có trách nhiệm thanh toán cho Ngân hàng các khoản vay cụ thể:

Vào ngày 09/12/2019 Ngân hàng N2 có cho anh Nguyễn Bá C và chị Lê Thị T1 vay số tiền 100.000.000 đồng (Một trăm triệu đồng chẵn); mục đích vay “Mua ti vi, xe máy, tủ lạnh”, thời hạn cho vay 13 tháng, định kỳ trả nợ 12 tháng/lần. Kỳ đầu tiên ngày 09/12/2020 số tiền trả gốc 10.000.000 đồng, Kỳ hạn cuối cùng ngày 09/01/2021 số tiền trả gốc 90.000.000 đồng. Dư nợ 98.000.000 đồng (Chín mươi tám triệu đồng). Lãi suất tại thời điểm vay là 12%/năm.

Qua các chứng cứ thu thập được cho thấy: Vào ngày 09/12/2019 chị Lê Thị T1, anh Nguyễn Bá C có đứng tên vay vốn nợ tại Ngân hàng N2 chi nhánh H3 cụ thể khoản vay như sau:

Theo Hợp đồng tín dụng số 3624-LAV-201906777 ngày 09/12/2019, vay số tiền 100.000.000 đồng (Một trăm triệu đồng chẵn); mục đích vay “Mua ti vi, xe máy, tủ lạnh”. Thời hạn vay 13 tháng, định kỳ trả nợ 12 tháng/lần. Kỳ đầu tiên ngày 09/12/2020 số tiền trả gốc 10.000.000 đồng, Kỳ hạn cuối cùng ngày 09/01/2021 số tiền trả gốc 90.000.000 đồng.

Hợp đồng ký kết trên cơ sở tự nguyện, không bị ép buộc, đảm bảo đúng theo các quy định của pháp luật.

Từ khi vay, chị T1 và anh C đã trả cho Ngân hàng được 2.000.000đ tiền gốc và trả tiền lãi suất đến hết ngày 30/9/2020.

Sau đó bị đơn chị Lê Thị T1, anh Nguyễn Bá C không thực hiện nghĩa vụ trả nợ gốc, nợ lãi và lãi quá hạn cho Ngân hàng theo thỏa thuận là vi phạm hợp đồng đã ký kết. Vì vậy, Ngân hàng N2 yêu cầu chị T1 và anh C phải trả toàn bộ số tiền lãi suất còn nợ cho Ngân hàng là hoàn toàn có căn cứ, đúng pháp luật, nên Hội đồng xét xử xét thấy cần chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, buộc bị đơn chị T1 và anh C phải có trách nhiệm trả toàn bộ số tiền nợ gốc, nợ lãi và lãi quá hạn cho ngân hàng, chi phí phát sinh cho đến khi chị T1 và anh C thanh toán xong toàn bộ nghĩa vụ theo Hợp đồng tín dụng đã ký kết với Ngân hàng, cụ thể: Tổng số tiền nợ gốc, nợ lãi và nợ lãi quá hạn tạm tính đến hết ngày 26/09/2024 là: 167.071.014 đồng (Một trăm sáu mươi bảy triệu không trăm bảy mươi một nghìn không trăm mười bốn đồng), trong đó:

- Nợ gốc: 98.000.000 đồng
- Nợ lãi trong hạn: 47.139.945 đồng
- Nợ lãi quá hạn: 21.931.068 đồng.

Nếu anh Nguyễn Bá C và chị Lê Thị T1 không trả được nợ cho Ngân hàng thì Ngân hàng N2 được tiếp tục giữ hồ sơ của tài sản là “ Quyền sử dụng đất 228 m² và tài sản gắn liền với đất tại thửa đất số: 369, tờ bản đồ số: 129-74. Địa chỉ: Khối T, phường Q, thị xã H, tỉnh Nghệ An theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số Y 305250 do UBND huyện Q cấp ngày 31/12/2004 mang tên hộ ông Nguyễn Bá H1 để thu hồi nợ cho Ngân hàng và được quyền yêu cầu cơ quan thi hành án dân sự xử lý bất kỳ tài sản nào thuộc quyền sở hữu, sử dụng của anh Nguyễn Bá C và chị Lê Thị T1 để thu hồi nợ theo quy định của pháp luật.

[2.1] Về khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm được thực hiện theo hướng dẫn tại điểm a khoản 1 Điều 13 của Nghị quyết số 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật về lãi, lãi suất, phạt vi phạm.

[3] Về chi phí tố tụng, án phí dân sự sơ thẩm: Do yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng có căn cứ chấp nhận nên chị T1 và anh C phải chịu chi phí xem xét

thẩm định tại chỗ là 3.000.000 đồng theo quy định tại Điều 157 Bộ luật Tố tụng dân sự 2015. Ngân hàng đã tạm ứng nên anh chị phải hoàn trả số tiền này cho Ngân hàng.

Ngoài ra, chị T1 và anh C còn phải chịu 8.354.000đ (Tám triệu ba trăm năm mươi tư ngàn đồng) tiền án phí Dân sự sơ thẩm theo quy định tại Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015. Ngân hàng được nhận lại tiền tạm ứng án phí đã nộp.

[4] Về quyền kháng cáo và thời hạn kháng cáo: Nguyên đơn, bị đơn được quyền kháng cáo bản án theo quy định tại Điều 271, Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

Vì các lẽ trên.

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều 26; Khoản 1 Điều 35; điểm a Khoản 1 Điều 39; Điều 147, Điều 157, Điều 227, Điều 228 ; Điều 271 và Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự 2015;

Điều 463, 465, 466 Bộ luật dân sự năm 2015;

Khoản 2 Điều 95, điểm a Khoản 3 Điều 98 của Luật các tổ chức tín dụng.

Điều 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng N2 về việc “Tranh chấp hợp đồng tín dụng” đối với chị Lê Thị T1 và anh Nguyễn Bá C.

Buộc chị Lê Thị T1 và anh Nguyễn Bá C phải liên đới có trách nhiệm thanh toán cho Ngân hàng N2 số tiền nợ gốc, nợ lãi và nợ lãi phạt gốc quá hạn tạm tính đến hết ngày 26/09/2024 là: 167.071.014 đồng (Một trăm sáu mươi bảy triệu không trăm bảy mươi một nghìn không trăm mười bốn đồng), trong đó:

- Nợ gốc: 98.000.000 đồng
- Nợ lãi trong hạn: 47.139.945 đồng
- Nợ lãi quá hạn: 21.931.068 đồng.

Kể từ ngày tiếp theo của ngày 26/9/2024 chị Lê Thị T1 và anh Nguyễn Bá C còn phải tiếp tục chịu tiền lãi theo thỏa thuận trong: Hợp đồng tín dụng số 3624-LAV-201906777 ngày 09/12/2019.

Trường hợp trong hợp đồng tín dụng các bên có thỏa thuận về việc điều chỉnh lãi suất cho vay theo từng thời kỳ của Ngân hàng N2 thì lãi suất mà chị T1, anh C phải tiếp tục thanh toán cho Ngân hàng N2 theo Quyết định của Tòa án cũng sẽ được điều chỉnh cho phù hợp với sự điều chỉnh lãi suất của ngân hàng. Chị Lê Thị T1 và anh Nguyễn Bá C còn phải tiếp tục chịu khoản tiền lãi của số tiền nợ lãi chưa thanh toán, theo mức lãi suất mà các bên thỏa thuận cho đến khi thanh toán xong khoản nợ lãi này.

2. Trường hợp chị Lê Thị T1 và anh Nguyễn Bá C không thực hiện hoặc thực hiện không đầy đủ nghĩa vụ trả nợ lãi cho Ngân hàng thì Ngân hàng N2 được quyền tiếp tục giữ hồ sơ của tài sản là “ Quyền sử dụng đất 228 m² và tài sản gắn liền với đất tại thửa đất số: 369, tờ bản đồ số: 129-74. Địa chỉ: Khối T, phường Q, thị xã H, tỉnh Nghệ An theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số Y 305250 do UBND huyện Q cấp ngày 31/12/2004 mang tên hộ ông Nguyễn Bá H1 và có quyền yêu cầu cơ quan Thi hành án Dân sự xử lý bất kỳ tài sản nào thuộc quyền sở hữu, sử dụng của anh Nguyễn Bá C và chị Lê Thị T1 để thu hồi nợ cho Ngân hàng theo quy định của pháp luật.

Về chi phí tố tụng và án phí: Chị Lê Thị T1 và anh Nguyễn Bá C phải chịu 3.000.000 đồng (Ba triệu đồng) chi phí xem xét thẩm định tại chỗ. Ngân hàng N2 đã nộp tiền tạm ứng chi phí xem xét thẩm định tại chỗ nên chị T1, anh C phải hoàn trả số tiền này cho Ngân hàng.

Chị Lê Thị T1 và anh Nguyễn Bá C phải chịu 8.354.000đ (Tám triệu ba trăm năm mươi tư ngàn đồng) tiền án phí dân sự sơ thẩm. Phần cụ thể anh C, chị T1 mỗi người phải nộp 4.177.000đ (Bốn triệu một trăm bảy mươi bảy nghìn đồng). Ngân hàng N2 không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm. Hoàn trả tiền tạm ứng án phí cho Ngân hàng N2 số tiền 3.131.000đ (Ba triệu một trăm ba mươi một nghìn đồng) đã nộp theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0008340 ngày 29/11/2023 tại Chi cục thi hành án dân sự thị xã Hoàng Mai.

Về quyền kháng cáo và thời hạn kháng cáo: Nguyên đơn, đại diện theo uỷ quyền của nguyên đơn được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, bị đơn vắng mặt được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày bản án được tổng đạt hợp lệ hoặc niêm yết theo quy định của pháp luật.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6,7 và 9 Luật Thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Dương sự;
- TAND tỉnh Nghệ An;
- VKSND thị xã Hoàng Mai;
- Chi cục THADS thị xã Hoàng Mai;
- Lưu: Hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Hữu Huy

